

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07 – 11 – 2018

(V/v xác định cha cho con,
cấp dưỡng nuôi con
và bồi thường thiệt hại)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm;

Bà Trần Thị Mỹ Hương .

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Phong – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 611/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp về xác định cha cho con, cấp dưỡng nuôi con và bồi thường thiệt hại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 749/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Cẩm N – sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Nhà không số, đường T, khóm 4, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đinh Thanh T, luật sư của Văn phòng luật sư T, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Lại Thái H – sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số 324/7, đường N, khóm 5, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Đặng Xuân T – sinh ngày 15/01/2018.

Đại diện theo pháp luật của cháu Đặng Xuân T là chị Đặng Cẩm N (mẹ ruột).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/9/2018, các biên bản hòa giải, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Cẩm N trình bày: Thời gian từ tháng 3/2017 dương lịch chị và anh H có mối quan hệ tình cảm nam nữ và có quan hệ tình dục với nhau, mối quan hệ tình cảm nam nữ giữa chị và anh H trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc ai. Trong thời gian này anh H có nói với chị là sinh con cho anh H nhưng đến khoảng tháng 5/2017 dương lịch khi chị có thai thì anh H có yêu cầu chị phá thai, chị không đồng ý. Đến ngày 15/01/2018 dương lịch chị sinh con và đặt tên là Đặng Xuân T. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định anh Lại Thái H là cha đẻ của cháu Đặng Xuân T và theo kết quả giám định ADN của Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ Gen thuộc Viện công nghệ sinh học đã kết luận anh lại Thái H là cha đẻ của cháu Đặng Xuân T. Chị yêu cầu Tòa án:

Buộc anh H phải thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là cháu T 3.000.000đ/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi;

Buộc anh H có trách nhiệm thanh toán lại cho chị chi phí giám định với số tiền 6.500.000đ.

Buộc anh H bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm cho chị với số tiền 15.000.000đ;

Buộc anh H bồi thường các chi phí với số tiền 13.900.000đ gồm: chị có thai mà phải thuê nhà ở 06 tháng (chị phải thuê nhà ở 12 tháng nhưng chị chỉ yêu cầu anh H phải trả 06 tháng) với số tiền 9.000.000đ; chi phí sinh con 1.500.000đ; tiền thuê người giúp việc chăm sóc trong thời gian sinh con với số tiền 3.000.000đ/tháng.

* Tại các biên bản hòa giải anh Lại Thái H trình bày: Về thời gian anh và chị N có mối quan hệ tình cảm nam nữ, có quan hệ tình dục dựa trên tinh thần tự nguyện đúng như chị N trình bày. Anh không có dự định kết hôn với chị N. Trên cơ sở kết luận giám định ADN, anh thống nhất yêu cầu của chị N và thống nhất anh là cha đẻ của cháu Đặng Xuân T là con của chị Đặng Cẩm N. Hiện nay thu nhập của anh khoảng 4.774.000đ/tháng nên anh không có khả năng cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng theo yêu cầu của chị N. Tại biên bản hòa giải ngày 01/8/2018 do anh muốn thỏa thuận với chị N nên anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng nhưng hiện nay giữa anh và chị N không thỏa thuận được nên anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đặng Xuân T 700.000/tháng cho đến khi cháu Đặng Xuân T tròn 18 tuổi. Đối với chi phí giám định 6.500.000đ anh thống nhất hoàn trả lại cho chị N. Đối với tiền bồi thường danh dự nhân phẩm 15.000.000đ và chi phí khác 13.900.000đ anh không đồng ý theo yêu cầu của chị N.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất anh Lại Thái H là cha đẻ của cháu Đặng Xuân T.

- Chị Đặng Cẩm N thay đổi yêu cầu: Đối với số tiền bồi thường danh dự nhân phẩm, chị N giảm từ 15.000.000đ xuống chỉ còn yêu cầu 13.000.000đ, chi phí sinh con tăng từ 1.500.000đ lên yêu cầu 1.971.000đ, bổ sung yêu cầu bồi thường mất thu nhập 06 tháng với số tiền 27.000.000đ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 88, 89, 110 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc xác định anh Lại Thái H là cha đẻ của cháu Đặng Xuân T, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Thủy 700.000đ/tháng, anh H phải trả cho chị N: Tiền thuê nhà bằng 9.000.000đ, chi phí sinh con 1.971.000đ, tiền thuê người giúp việc 3.000.000đ, bồi thường danh dự nhân phẩm 03 tháng tiền lương cơ bản. Khoản bồi thường mất thu nhập 27.000.000đ tách thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Chị Đặng Cẩm N khởi kiện anh Lại Thái H để yêu cầu Tòa án xác định cha là anh Lại Thái H cho con là cháu Đặng Xuân T, yêu cầu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con và bồi thường thiệt hại về danh dự nên căn cứ vào quy định tại khoản 6 Điều 26, khoản 4, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự quan hệ tranh chấp được xác định là xác định là tranh chấp xác định cha cho con, tranh chấp về cấp dưỡng và bồi thường thiệt hại, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với yêu cầu xác định anh Lại Thái H là cha đẻ của cháu Đặng Xuân T, cả anh H và chị N đều thừa nhận anh chị có mối quan hệ nam nữ, trên tinh thần tự nguyện. Chị N có thai trong thời gian anh chị còn quan hệ tình cảm với nhau. Trên cơ sở kết luận giám định ADN ngày 05/9/2018 của Phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ Gen - Viện Công nghệ Sinh học thuộc Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam đã kết luận “anh Lại Thái H và cháu Đặng Xuân T: Có cùng mối quan hệ huyết thống cha – con” và sự thống nhất của anh H, chị N nên có căn cứ khẳng định anh Lại Thái H là cha đẻ của cháu Đặng Xuân T.

[3] Đối với yêu cầu của chị N về việc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Đặng Xuân T. Hiện nay cháu Thủy chưa thành niên, đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không trực tiếp nuôi con nên anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 điều 101, 107 Luật hôn nhân gia đình. Các đương sự có tranh chấp về mức cấp dưỡng nuôi con, chị N yêu cầu 3.000.000đ/tháng, anh H chỉ đồng ý cấp dưỡng 700.000đ/tháng. Căn cứ vào bảng lương anh H cung cấp lương từ 01/10/2016 đến nay anh H được hưởng hệ số 3,00 số tiền lương thực nhận là 4.774.650đ/tháng, căn cứ vào Điều 116 Luật hôn

nhân gia đình quy định về mức cấp dưỡng phải phù hợp với thu nhập và khả năng thực tế của anh H, như vậy số tiền cấp dưỡng mà chị N yêu cầu 3.000.000đ/tháng so với mức lương 4.774.000đ/tháng của anh H là quá cao, sau khi thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì anh H không đảm bảo cho các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống của anh H, điều này chị N cũng thừa nhận, nhưng chị N cho rằng ngoài thu nhập tiền lương anh H còn khoản thu nhập khác mà chị N không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập khác ngoài tiền lương của anh H, anh H không thừa nhận có khoản thu nhập nào khác nên không đủ căn cứ chấp nhận mức cấp dưỡng này. Anh H chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con 700.000đ/tháng, trong khi bản thân anh H có khả năng cấp dưỡng cao hơn thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 01/8/2018, anh H xác định anh có khả năng cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng, mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng so với mức tiền lương của anh H, vẫn đảm bảo cho nghĩa vụ cấp dưỡng và đảm bảo các nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống hằng ngày của anh H và vì quyền lợi của cháu T nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng.

[4] Đối với yêu cầu của chị N buộc anh H bồi thường thiệt hại danh dự nhân phẩm về việc chị sinh con với anh H và việc anh H không tiếp tục mối quan hệ tình cảm với chị N. Chị N anh H đều thừa nhận khi anh chị quen biết và nảy sinh tình cảm nam nữ, mối quan hệ anh chị trên tinh thần tự nguyện, anh chị quan hệ tình dục với nhau và sinh con cũng trên tinh thần tự nguyện không bị ép buộc, nên không có cơ sở xác định anh H đã có hành vi xâm phạm đến danh dự nhân phẩm của chị N. Anh H không tiếp tục mối quan hệ tình cảm với chị N như đã hứa cũng không phải là nguyên nhân làm danh dự của chị N bị xấu đi. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử đã xem xét việc anh H không thừa nhận cháu T là con của anh H cho đến khi có kết quả Giám định AND, trong khi anh H là cha đẻ của cháu T, điều này cũng đã ảnh hưởng xấu, làm tổn thất đến danh dự nhân phẩm của chị N nên cần có khoản vật chất để bù đắp một phần tổn thất này. Anh H không tin tưởng con chị N sinh ra là con ruột của anh H cũng có lý do vì chưa có căn cứ chính xác nào thể hiện cháu T là con của anh trong khi anh H và chị N chưa xác lập mối quan hệ hôn nhân, anh H và chị N đều có lỗi trong việc sinh con khi anh chị chưa kết hôn. Mức bồi thường chị Nhung yêu cầu 13.000.000đ là quá cao, mức bồi thường Viện kiểm sát đề nghị tương đương 03 tháng lương căn bản là phù hợp. Hiện này lương căn bản là 1.390.000đ x 3 tháng = 4.170.000đ phù hợp quy định tại các Điều 584, 592 Bộ luật dân sự.

[5] Đối với yêu cầu chị N buộc anh H bồi thường các chi phí gồm các khoản sau:

Chị N có thai mà phải thuê nhà ở 06 tháng với số tiền 9.000.000đ. Anh H không đồng ý bồi thường chi phí này. Đối với yêu cầu này là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, việc chị N mang thai với anh H không phải là nguyên nhân của việc chị phải thuê nhà ở. Vì thời gian chị mang thai trùng hợp với thời gian chị không có nhà riêng để ở nên chị phải thuê nhà ở. Do đó, không có căn cứ để buộc anh H

phải có nghĩa vụ đối với chi phí sinh hoạt trong cuộc sống của chị N, nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không có căn cứ chấp nhận khoản chi phí này.

Đối với chi phí sinh con 1.971.000đ và tiền thuê người giúp việc chăm sóc trong thời gian sinh con với số tiền 3.000.000đ/tháng chị N yêu cầu anh H hoàn trả. Xét thấy hai khoản chi phí này phát sinh từ việc chị N sinh con của anh H, số tiền 1.971.000đ là viện phí theo toa vé anh H thống nhất với số tiền này và đồng ý thanh toán một nửa số tiền này cho chị N. Đối với việc thuê người giúp việc 3.000.000đ/tháng, trong thời gian chị sinh con, anh H không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng khi phụ nữ mới sinh con cần người chăm sóc người mẹ và con sơ sinh để người phụ nữ mới sinh được nghỉ ngơi, đảm bảo cho sức khỏe, việc chị N phải thuê người giúp việc chăm sóc chị trong 01 tháng đầu sau sinh con là hợp lý, chị N không có chứng từ thể hiện số tiền 3.000.000đ, nhưng đây là những giao dịch hàng ngày không buộc phải thiết lập trên cơ sở hợp đồng, hóa đơn, số tiền 3.000.000đ/tháng phù hợp với mức chi phí thuê người giúp việc trên địa bàn thành phố C hiện nay. Tổng chi phí sinh con và chi phí thuê người giúp việc chăm sóc chị N là 4.971.000đ. Cháu T là con của chị N và anh H nên những chi phí liên quan đến con chung thì cả hai cùng có trách nhiệm, không phải trách nhiệm của một mình anh H, hay chị N do đó cả hai cùng phải có trách nhiệm với số tiền này. Chị N đã chi trả 4.971.000đ nên anh H có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị N 2.485.500đ là phù hợp.

[6] Đối với tiền giám định huyết thống của anh H và cháu T 6.500.000đ, chị N đã chi trả và yêu cầu anh H hoàn trả lại. Kết quả giám định thể hiện yêu cầu của chị N về việc xác định anh H là cha đẻ của cháu T là có căn cứ nên căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự anh H phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Chị N đã tạm ứng chi trả cho cơ quan giám định 6.500.000đ, nên anh H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị N 6.500.000đ.

[7] Đối với yêu cầu của chị N buộc anh H bồi thường khoản mất thu nhập 06 tháng với số tiền 27.000.000đ, được đặt ra tại phiên tòa, đây là yêu cầu bổ sung tại phiên tòa, vượt quá phạm vi đơn khởi kiện và đơn khởi bổ sung nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu này.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 12, Điều 14, khoản 4 điều 26, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Án phí dân sự sơ thẩm: Về xác định cha cho con, về cấp dưỡng nuôi con, về trách nhiệm bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm và về chi phí sinh con anh H phải nộp. Chị Đặng Cẩm N đã có đơn yêu cầu miễn án phí và được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 88, 101, 107, 110, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 357, 468, 584, 592 của Bộ luật dân sự; Các Điều 28, 147, 159, 161, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Cẩm N về việc: **Xác định** anh Lại Thái H là cha đẻ của cháu Đặng Xuân T.

Buộc anh Lại Thái H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đẻ là cháu Đặng Xuân T 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Đặng Xuân T đủ 18 tuổi.

Buộc anh Lại Thái H có trách nhiệm trả cho chị Đặng Cẩm N số tiền 6.655.500đ (*sáu triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm đồng*)

Buộc anh Lại Thái H có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị N tiền giám định 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày chị Đặng Cẩm N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lại Thái H không tự nguyện thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Cẩm N về việc buộc anh Lại Thái H trả số tiền chi phí sinh con 11.485.500đ (*Mười một triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm đồng*), Bồi thường danh dự nhân phẩm số tiền 8.830.000đ (*Tám triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng*).

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*). Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*). Án phí dân sự sơ về thẩm bồi thường thiệt hại 332.000đ (*ba trăm ba mươi hai ngàn đồng*). Tổng tiền án phí dân sự sơ thẩm 932.000đ (*Chín trăm ba mươi hai ngàn đồng*) anh Lại Thái H phải nộp (*chưa nộp*). Chị Đặng Cẩm N được miễn nộp án phí. Chị Đặng Cẩm N đã nộp tiền tạm ứng án phí vào ngày 10/7/2018 số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo lai thu số 0001034 và ngày 27/9/2018 số tiền 340.000đ (*Ba trăm bốn mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0001419 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu